

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn
giữa Võ Thị H với Lê Văn H1

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Thạch Quan Thây - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về vụ “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1968; cư trú tại: Số 42/10/4 Đường số 9, khu phố Q, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn H1, sinh năm 1968; cư trú tại: Số 42/10/4 Đường số 9, khu phố Q, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 15 tháng 01 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Võ Thị H thể hiện: Bà H và ông Lê Văn H1 chung sống với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An vào ngày 26/3/1990. Sau khi kết hôn, thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2009, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc

sống, vợ chồng sống không hòa hợp với nhau, ông H1 hay uống rượu bia về nhà gây chuyện chửi bới vợ con, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Tuy còn sống chung một nhà nhưng đã từ lâu, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ cuối năm 2016, bà H và ông H1 thật sự chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông H1.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị M, sinh năm 1994, con chung đã trưởng thành. Bà xác định tài sản chung: để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo xác minh của Công an Phường B, thành phố T, tỉnh Long An, hiện nay ông Lê Văn H1 đang cư trú và sinh sống tại số nhà 42/10/4 khu phố Q, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông H1 biết về việc Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị H nhưng ông H1 không đến Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc yêu cầu ly hôn của bà H. Vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vụ vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, cả hai đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, bà H kiên quyết ly hôn. Ông H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H1 vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà H. Điều này chứng tỏ ông H1 không còn tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H. Từ đó có đủ căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông H1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Về con chung: đã trưởng thành; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H1, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Văn H1 có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Long An nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn ông Lê Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án giải quyết vụ án theo Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông H1 vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Võ Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà H và bị đơn ông H1 là phù hợp Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H thấy rằng:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị H và ông Lê Văn H1 chung sống với nhau vào năm 1990, có tiến hành đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/3/1990 theo quy định của pháp luật. Do đó có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, giữa bà H và ông H1 chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo trình bày của bà H thì trong quá trình chung sống giữa bà H và ông H1 có xảy ra bất đồng quan điểm, vợ chồng sống không hòa hợp nhau do mâu thuẫn về kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Từ cuối năm 2016, bà H và ông H1 thật sự chấm dứt quan hệ tình cảm, mặc ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập ông H1 đến Tòa án tham gia hòa giải theo quy định tại Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình, nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông H1 không đến Tòa án và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của bà H. Như vậy, ông H1 không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H. Ngoài ra, bà H còn xác định từ cuối năm 2016 đến nay, vợ chồng đã thật sự chấm dứt quan hệ tình cảm, mặc ai nấy sống. Do đó, xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông H1 là phù hợp.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H và ông H1 có 01 con chung tên Lê Thị M, sinh năm 1994, hiện nay con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng Điều 51, 56, khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Võ Thị H. Cho bà Võ Thị H được ly hôn với ông Lê Văn H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 022/P4, quyển số I đăng ký ngày 26 tháng 3 năm 1990 do Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã T (nay là thành phố T) tỉnh Long An ký cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Võ Thị H và ông Lê Văn H1 có 01 con chung tên Lê Thị M, sinh năm 1994, đã trưởng thành nên không đề cập.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà H đã nộp theo biên lai thu số 0002841 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND Phường B, tp. T;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng

